**TIẾNG VIỆT**

**Bài 18: kh, m (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nhận biết âm và chữ cái **kh, m;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **kh, m.**
* Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **kh,** âm **m.**
* Đọc đúng bài Tập đọc *Đo bẻ.*
* Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **kh, m, khế, me.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 1**   1. **Khởi động**  * 2 HS đọc bài Tập đọc *Bé kể* (bài 17).  1. Hình thành kiến thức mới 2. **Giới thiệu bài:** GV chỉ tên bài: **kh, m,** giới thiệu bài: âm và chữ **kh, m.**  * GV chỉ chữ **kh:** âm **kh** (khờ). GV: **kh** (khờ).**.** * GV giới thiệu chữ M in hoa.  1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Âm **kh** và chữ **kh**  * GV chỉ hình quả khế (hoặc vật thật), hỏi: Đây là quả gì? * GV: Khế có loại ngọt, có loại chua, thường được dùng để làm mứt hoặc nấu canh. * GV viết bảng **khế.** * HS phân tích tiếng **khế:** âm **khờ,** âm **ê,** dấu sắc = **khế. /** Đánh vần và đọc trơn: **khờ - ê - khê - sắc - khế / khế.**   1. Âm **m** và chữ **m:** Làm tương tự với âm **m** và tiếng **me** (loại quả thường được dùng để nấu canh hoặc làm mứt). / Đánh vần và đọc trơn: **mờ - e - me / me.**   \* Củng cố: HS: Các em vừa học 2 chữ mới là **kh, m;** 2 tiếng mới là **khế, me.** **Luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **kh?** Tiếng nào có âm **m?)**   * GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng **mẹ** có âm **m,** tiếng **khe** có âm **kh,...**  1. **Tập đọc** (BT 3) 2. GV chỉ hình minh hoạ bài đọc *Đố bé,* giới thiệu 3 bức tranh tả cảnh trong gia đinh Bi: Bi vừa đi học về, mẹ ở trong bếp đang nấu ăn, ra 1 câu hỏi đố Bi. Bố đang bế em bé cũng ra 1 câu hỏi đố Bi. Các em hãy nghe bài đọc để biết bố mẹ đố Bi điều gì; Bi trả lời các câu đố thế nào. 3. GV chỉ từng hình, đọc mẫu.   **Tiết 2**   1. Luyện đọc từ ngữ: **đố Bi, mẹ có gì, cá kho khế, có bé Li.** 2. Luyện đọc từng lời dưới tranh  * GV: Bài có 3 tranh và lời dưới 3 tranh (GV chỉ cho HS đếm, đánh số TT từng câu). * GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu *Bi đó à? Dạ.)*  1. Đọc từng lời dưới tranh. 2. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn là lời dưới 2 tranh); thi đọc cả bài. 3. Đọc theo lời nhân vật  * GV chỉ lời của mẹ Bi, Bi, bố Bi. * GV mời 3 HS giỏi đọc theo vai. GV khen HS nào đọc to, rõ, đúng lời nhân vật, kịp lượt lời.  1. Tìm hiểu bài đọc   Qua bài đọc, em hiểu điều gì? (Gia đình Bi sống rất vui vẻ, hạnh phúc. / Mọi người trong gia đình Bi rất vui tính. Quan hệ giữa bố mẹ và Bi rất thân ái).  \* **Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. GV vừa viết mẫu từng chữ vừa hướng dẫn  * Chữ **kh:** là chữ ghép từ hai chữ **k** và **h** (đều cao 5 li). Viết **k** trước, **h** sau. * Chữ m: cao 2 li; gồm 2 nét móc xuôi liền nhau và 1 nét móc 2 đầu. * Tiếng **khế:** viết **kh** trước, **ê** sau; dấu sắc trên **ê,** không chạm dấu mũ. * Tiếng **me:** viết **m** trước, **e** sau; chú ý nối nét giữa **m** và **e.** * GV cùng HS nhận xét  1. **Vận dụng: Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”** | * 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả: k (ca) + e, ê, i / c (cờ) + a, o, ô, ơ,... * HS (cá nhân, cả lớp): **khờ.**   Quả khế.  HS phân tích, đánh vần, đọc trơn  HS gắn lên bảng cài chữ: **kh, m.**   * HS đọc từng chữ dưới hình: *mẹ, mỏ, khe đá,...* * Từng cặp HS trao đổi, làm bài; 2 HS báo cáo kết quả: HS 1 nói tiếng có âm **kh** *(khe, kho, khỉ).* **HS** 2 nói tiếng có âm **m** *(mẹ, mỏ, mè).*   HS nói tiếng ngoài bài có **kh** (khi, kho, khó, khô,...); có **m** (má, mỏi, môi,...).   * Cho cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp). * Đọc cá nhân, từng cặp).   1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh cả bài.  Cả lớp đọc lại 2 trang sách vừa học ở bài 18.  Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học.  HS quan sát.  HS viết: **kh, m** (2 lần). Sau đó viết: **khế, me.** |

**Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………